

Tờ hướng dẫn sử dụng

# IMOBOSTON®

## THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang IMOBOSTON chứa:

**Hoạt chất:** Loperamid hydroclorid .....2 mg

**Tá dược:** Lactose, Tinh bột ngô, Talc, Magnesi stearat vừa đủ 1 viên nang.

## ĐƯỢC LỰC:

Loperamid là một thuốc trị tiêu chảy được dùng để chữa triệu chứng các trường hợp tiêu chảy cấp không rõ nguyên nhân và một số tình trạng tiêu chảy mạn tính. Đây là một dạng opiat tổng hợp mà ở liều bình thường có rất ít tác dụng trên hệ thần kinh trung ương. Loperamid làm giảm nhu động ruột, giảm tiết dịch đường tiêu hóa, và tăng trương lực cơ thắt hậu môn. Thuốc còn có tác dụng kéo dài thời gian vận chuyển qua ruột; tăng vận chuyển dịch và chất điện giải qua niêm mạc ruột, do đó làm giảm sự mất nước và điện giải, giảm lượng phân. Tác dụng có lẽ liên quan đến giảm giải phóng acetylcholin và prostaglandin.

## ĐƯỢC ĐỘNG HỌC:

Xấp xỉ 40% liều uống loperamid được hấp thu qua đường tiêu hóa. Thuốc được chuyển hóa ở gan thành dạng không hoạt động (trên 50%) và bài tiết qua phân và nước tiểu cả dưới dạng không đổi và chuyển hóa (30 - 40%). Nồng độ thuốc tiết qua sữa rất thấp. Liên kết với protein khoảng 97%. Nửa đời của thuốc khoảng 7 - 14 giờ.

## CHỈ ĐỊNH:

Điều trị triệu chứng tiêu chảy cấp không đặc hiệu, tiêu chảy mạn tính do viêm đường ruột. Bù điện giải là biện pháp không thể thay thế được.

Làm giảm thể tích chất thải cho những bệnh nhân có thủ thuật mở thông hồi tràng hoặc đại tràng.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

**Cách dùng:** IMOBOSTON được dùng bằng đường uống.

**Liều lượng:**

**Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:**

Tiêu chảy cấp: ban đầu 4 mg, sau đó mỗi lần đi lỏng, uống 2 mg, tối đa 5 ngày. Liều thông thường: 6 - 8 mg/ngày.

Liều tối đa: 16 mg/ngày.

Tiêu chảy mạn: uống 4 mg, sau đó mỗi lần đi lỏng uống 2 mg cho tới khi cầm tiêu chảy. Liều duy trì: uống 4 - 8 mg/ ngày chia thành liều nhỏ (2 lần).

Liều tối đa: 16 mg/ ngày.

**Trẻ em:**

Loperamid không được khuyến cáo dùng cho trẻ em 1 cách thường quy trong tiêu chảy cấp.

+ Trẻ em dưới 6 tuổi: Không được khuyến cáo dùng.

+ Trẻ từ 6 - 8 tuổi: Uống 2 mg, 2 lần mỗi ngày.

+ Trẻ từ 8 - 12 tuổi: Uống 2 mg, 3 lần mỗi ngày.

Liều duy trì: Uống 1 mg/10 kg thể trọng, chỉ uống sau 1 lần đi ngoài.

Tiêu chảy mạn: Liều lượng chưa được xác định.

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với loperamid.

Khi cần tránh ức chế nhu động ruột.

Khi có tổn thương gan.

Khi có viêm đại tràng nặng, viêm đại tràng màng giả (có thể gây đại tràng to nhiễm độc).

Hội chứng lỵ.

Bụng trướng.

## THẬN TRỌNG:

Thận trọng với những bệnh giảm chức năng gan hoặc viêm loét đại tràng.

Ngừng thuốc nếu không thấy có kết quả trong vòng 48 giờ.

Theo dõi nhu động ruột và lượng phân, nhiệt độ cơ thể.

Theo dõi trướng bụng.

## LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Mệt mỏi, hoa mắt, buồn ngủ có thể xảy ra khi điều trị bằng ImoBoston. Do đó, cần thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

## TƯƠNG TÁC THUỐC:

Những thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương, các phenothiazin, các thuốc chống trầm cảm loại 3 vòng có thể gây tăng tác dụng không mong muốn của loperamid.

## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Hầu hết các tác dụng phụ thường gặp là phản ứng ở đường tiêu hóa như táo bón, đau bụng, buồn nôn, nôn, mệt mỏi, khô miệng và các phản ứng tăng mẫn cảm như mẩn đỏ trên da, mề đay đã được báo cáo.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

## PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

**Phụ nữ có thai:** Chưa có đủ các nghiên cứu trên phụ nữ có thai. Không nên dùng cho phụ nữ có thai.

**Phụ nữ cho con bú:** Vì loperamid tiết ra sữa rất ít, có thể dùng thuốc cho bà mẹ đang cho con bú nhưng chỉ với liều thấp.

## QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

**Triệu chứng:** Suy hô hấp và hệ thần kinh trung ương, co cứng bụng, táo bón, kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn và nôn. Tình trạng quá liều thường xảy ra khi liều dùng hàng ngày khoảng 60 mg loperamid.

**Điều trị:** Rửa dạ dày sau đó cho uống khoảng 100 g than hoạt qua ống xông dạ dày. Theo dõi các dấu hiệu suy giảm thần kinh trung ương, nếu có thì cho tiêm tĩnh mạch 2 mg naloxon (0,01 mg/kg cho trẻ em), có thể dùng nhắc lại nếu cần, tổng liều có thể tới 10 mg.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng.

**ĐÓNG GÓI:** Hộp 25 vỉ x 4 viên nang. Hộp 10 vỉ x 10 viên nang.

**TIÊU CHUẨN:** Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

## ĐỀ XA TÀM TAY CỦA TRẺ EM

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

**NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ**



Nhãn hiệu thuộc sở hữu của **BOSTON PHARMACEUTICAL INC., USA**  
Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM**  
43 đường số 8, KCN Việt Nam – Singapore, Thuận An, Bình Dương.